

LÝ LUẬN VỀ THỜI HIỆU TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH NÀY (KỲ 2 VÀ HẾT)

LÊ CẨM* - TRẦN THỊ HOÀNG LAN**

4. Về thời hiệu thi hành bản án kết tội (BAKT)

4.1. Các dạng (loại) bản án hình sự và các quyết định về hình sự

Các dạng (loại) bản án hình sự và các quyết định về hình sự là vấn đề quan trọng đầu tiên cần phải được phân chia trước khi đi vào phân loại các dạng của chúng. Nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự (PLHS) và pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam từ trước đến nay có liên quan đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự (TNHS) và thực tiễn xét xử hình sự nước ta cho thấy, thông thường các bản án hình sự (BAHS) và các quyết định về hình sự (gọi chung là các “BAHS”) mà các Tòa án thường tuyên có thể được phân chia thành 04 dạng chủ yếu dưới đây:

- BAHS của cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (quyết định về hình sự của cấp giám đốc thẩm hay tái thẩm) mà trong đó Tòa án tuyên người bị đưa ra xét xử là *vô tội - không có TNHS* đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm theo các quy định của PLHS (hoặc pháp luật TTHS) - nên không áp dụng bất kỳ biện pháp cưỡng chế hình sự nào mà trả lại tự do cho người này ngay tại phiên tòa.

- BAHS của cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (quyết định hình sự của cấp giám đốc thẩm hay tái thẩm) mà trong đó Tòa án tuyên người phạm tội là *có tội và phải chịu TNHS* đối với tội phạm đã được thực hiện nhưng nhận thấy có cơ sở để *miễn TNHS* cho người phạm tội theo các quy định của PLHS.

- BAHS của cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (quyết định hình sự của cấp giám đốc thẩm hay tái thẩm) mà trong đó Tòa án tuyên người bị kết án là *có tội và phải chịu TNHS* đối với tội phạm đã được thực hiện nhưng nhận thấy có cơ sở để *miễn hình phạt* cho người bị kết án và có thể (hoặc không) kèm theo việc áp dụng biện pháp tư pháp hình sự nhất định theo các quy định của PLHS.

- Và cuối cùng, BAHS của cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (quyết định hình sự của cấp giám đốc thẩm hay tái thẩm) mà trong đó Tòa án tuyên người bị kết án là *có tội và phải chịu TNHS* đối với tội phạm đã được thực hiện, đồng thời áp dụng *hình phạt* đối với người đó và có thể (hoặc không) kèm theo việc áp dụng biện pháp tư pháp hình sự nhất định theo các quy định của PLHS.

4.2. Phân biệt các bản án hình sự với nhau

Nghiên cứu nội dung của 04 dạng BAHS và quyết định hình sự nêu trên cho phép chỉ ra một số điểm *giống nhau* và *khác nhau* cơ bản của chúng dưới đây:

- Những điểm *giống nhau* của tất cả các BAHS là chúng đều: 1) được tuyên tại phiên tòa xét xử theo một trình tự đặc biệt do pháp luật TTHS quy định và đối với cùng một đối tượng là người bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử tại phiên tòa tương ứng tùy theo tính chất của từng cấp (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm);

* Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Giám đốc Trung tâm Luật hình sự và Tội phạm học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

** Thạc sĩ, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

2) được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước sau khi đã có hiệu lực pháp luật theo luật định; 3) phải được thi hành bởi tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, những người có chức vụ và các công dân hữu quan; và cuối cùng 4) không còn hiệu lực thi hành nữa sau khi đã hết thời hiệu tương ứng cụ thể do PLHS quy định.

- Những điểm *khác nhau* của 04 dạng (loại) BAHS trên là:

+ Dạng BAHS *đầu tiên* được gọi là bản án *tuyên vô tội* (hay bản án *tha bổng*), vì trong dạng bản án này người bị xét xử tại phiên tòa *không bị Tòa án tuyên là có tội* nên cũng *không phải chịu TNHS*;

+ Ba dạng BAHS cuối cùng được gọi là các BAKT vì trong 03 dạng BAHS này người bị xét xử *đều bị coi là có tội* nhưng tùy từng trường hợp cụ thể tương ứng mà người đó: a) được miễn TNHS; b) được miễn hình phạt và (hoặc kèm theo việc áp dụng) biện pháp cưỡng chế hình sự khác (như biện pháp tư pháp hình sự) hoặc; c) bị *áp dụng hình phạt* và (không kèm theo việc áp dụng) *biện pháp cưỡng chế hình sự khác*.

+ Và cuối cùng, trong 04 dạng BAHS đã được phân chia trên đây, thông thường chỉ có dạng đầu tiên (bản án tuyên vô tội) và 02 dạng BAKT tiếp theo (mà trong đó người bị xét xử được miễn TNHS, miễn hình phạt, bị kết án thuộc 01 trong 03 trường hợp tương ứng tại khoản 2 Điều 69 hoặc thuộc 01 trong 03 trường hợp tại khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015) sẽ không dẫn đến hậu quả pháp lý là *án tích*, vì hậu quả này (án tích) chỉ có khi người bị kết án bị tuyên dạng BAKT sau cùng, tức là khi bị áp dụng hình phạt.

4.3. Khái niệm bản án hình sự (nói chung), bản án kết tội và bản án tuyên vô tội

Từ sự phân loại các BAHS và các dạng BAKT trên đây, vấn đề được đặt ra mà

chúng ta cần phải nghiên cứu trước khi đi vào phân tích những vấn đề về thời hiệu thi hành chúng - đó là 03 khái niệm khoa học liên ngành LHS-TTHS: 1) *BAHS*, 2) *BAKT* và, 3) *bản án tuyên vô tội* là gì?. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, 03 khái niệm khoa học liên ngành này từ trước đến nay cũng chưa bao giờ được nhà làm luật chính thức ghi nhận về mặt lập pháp trong pháp luật TTHS thực định của nước nhà. Mặt khác, trong khoa học LHS và khoa học luật TTHS Việt Nam vấn đề này cũng chưa được soạn thảo về mặt lý luận. Vì ở đây chúng ta đang nghiên cứu về *thời hiệu thi hành* nên nội hàm của 03 khái niệm khoa học này đều cần được thống nhất là chúng cần hiểu theo *nghĩa hẹp* - chỉ đối với các loại BAHS và các dạng BAKT có hiệu lực pháp luật.

BAHS (nói chung) là kết quả cuối cùng của quá trình *truy cứu TNHS* người phạm tội do Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên tại phiên tòa mà trong đó khẳng định về việc người bị đưa ra xét xử có *bị coi là có tội hay không có tội*, cũng như việc có áp dụng hay không áp dụng hình phạt hoặc (và) biện pháp cưỡng chế hình sự khác đối với người đó theo các quy định của PLHS và pháp luật TTHS.

BAKT là kết quả cuối cùng của quá trình *truy cứu TNHS* người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm do Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên tại phiên tòa mà trong đó khẳng định về việc kết án người bị đưa ra xét xử là *có tội*, cũng như về việc có áp dụng hay miễn hình phạt hoặc (và) biện pháp cưỡng chế hình sự khác đối với người đó theo các quy định của PLHS và pháp luật TTHS.

Bản án tuyên vô tội là kết quả cuối cùng của quá trình *giải quyết vấn đề TNHS* của người phạm tội do Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên tại phiên tòa mà trong đó khẳng định về việc người bị đưa ra xét xử được coi là *không có tội nên không có TNHS*, cũng như về việc minh oan cho người đó theo các quy định của PLHS và pháp luật TTHS.

4.4. Khái niệm, bản chất pháp lý và nội hàm của thời hiệu thi hành bản án kết tội

Từ khái niệm pháp lý của thời hiệu thi hành BAKT đã được nhà làm luật ghi nhận trong BLHS năm 2015, chúng ta có thể đưa ra khái niệm khoa học của thời hiệu thi hành BAKT như sau: Thời hiệu thi hành BAKT là thời hạn được ghi nhận trong PLHS thực định của một quốc gia mà khi đã qua (kết thúc) thời hạn đó thì người phạm tội không thể bị buộc phải chấp hành BAKT có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên đối với họ. Phân tích nội hàm của khái niệm này chúng ta có thể nhận thấy bản chất pháp lý của thời hiệu thi hành BAKT thông qua nội hàm của nó với các đặc điểm sau:

- Chỉ trong một thời hạn nhất định do PLHS quy định, cơ quan thi hành án hình sự mới có quyền thi hành BAKT có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án.

- Tuy nhiên, một khi thời hạn nhất định ấy vì những nguyên nhân khác nhau đã qua (kết thúc) rồi, thì không một cơ quan thi hành án hình sự nào có thể đem ra thi hành BAKT có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án.

- Để không phải chấp hành BAKT có hiệu lực pháp luật do đã hết thời hiệu, người bị kết án nhất thiết phải đáp ứng được đầy đủ căn cứ pháp lý chung và những điều kiện cụ thể do PLHS quy định.

4.5. Sự việc khi người bị kết án “không phải” (như ngôn ngữ được sử dụng trong 03 BLHS các năm 1985, 1999 và 2015 của Việt Nam) chấp hành BAKT có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên, thì cần phải hiểu như thế nào về trường hợp này(?). Vấn đề này mặc dù đã hơn 30 năm trôi qua, nhưng cho đến nay về mặt LPHS, nhà làm luật của nước ta vẫn chưa hề có sự khẳng định một cách rõ ràng và dứt khoát quan điểm của mình trong cả 03 lần pháp điển hóa PLHS Việt Nam (vào các năm 1985, 1999 và

2015) - việc không phải chấp hành BAKT có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án do đã hết thời hiệu thi hành được coi là trường hợp nào trong 03 trường hợp sau đây: 1) “miễn” chấp hành bản án, 2) miễn “hình phạt” hay là 3) miễn “CHHP”(?). Theo chúng tôi, trường hợp này cần phải được lý giải sao cho bảo đảm được sự nhận thức khoa học thống nhất trên cả 03 bình diện (thực tiễn, lý luận và lập pháp) tại 03 điểm dưới đây.

a. Về mặt thực tiễn, người bị kết án trong trường hợp này đã có BAKT có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng người đó sẽ không bị buộc phải chấp hành BAKT đã được tuyên chỉ do 01 căn cứ pháp lý duy nhất - thời hiệu thi hành BAKT có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã hết (và đồng thời người đó cũng hội tụ đầy đủ những điều kiện do PLHS quy định). Cần lưu ý rằng, mặc dù chưa được điều chỉnh về mặt lập pháp trong PLHS thực định nhưng ở một mức độ nhất định, vấn đề này từ hơn 30 năm trước đã được thừa nhận và khẳng định bằng sự giải thích thống nhất có tính chất nhân đạo của thực tiễn xét xử nước ta. Ví dụ: Theo tinh thần của nội dung tại đoạn 2 điểm 3 Phần I Thông tư liên ngành số 04/TTTN ngày 26/12/1986 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) “Về việc hướng dẫn áp dụng thời hiệu thi hành bản án hình sự” thì đối với người bị kết án mà “chỉ bị xử phạt 5 năm tù trở xuống mà vì bệnh tật, sinh đẻ hoặc hoàn cảnh khó khăn, được tạm hoãn thi hành án nhiều lần, thời gian tạm hoãn đã bằng thời hiệu thi hành bản án và trong thời gian đó họ không phạm tội mới, không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì Tòa án quyết định miễn chấp hành hình phạt tù”².

b. Về mặt lý luận, khi người bị kết án đã bị coi là có nghĩa vụ phải chấp hành BAKT

² Xem: Thông tư 04 nêu trên - Trong sách: Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng. Tòa án nhân dân tối cao xuất bản. Hà Nội, 1990, tr.61.

có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng vì những nguyên nhân khác nhau nào đó (đương nhiên không phải do lỗi của người bị kết án) nên *thời hiệu thi hành BAKT* ấy đã trôi qua (kết thúc). Như vậy, trường hợp này nên chăng cần coi căn cứ pháp lý và những điều kiện mà người đó *không phải* chấp hành BAKT có hiệu lực pháp luật ấy của Tòa án là căn cứ pháp lý và những điều kiện của 01 dạng (trường hợp) *miễn chấp hành hình phạt* (nhưng nhất thiết phải là dạng *đương nhiên* được miễn chứ không thể như các dạng miễn chấp hành hình phạt khác - đây chính là điểm đặc biệt của dạng miễn chấp hành hình phạt này so với các dạng miễn chấp hành hình phạt khác trong PLHS Việt Nam hiện hành).

c. Và về mặt *lập pháp*, nên chăng đã đến lúc nhà làm luật nước ta không nên bỏ lửng mà cần khẳng định *bản chất pháp lý* của trường hợp *hết thời hiệu thi hành BAKT* theo khoản 2 Điều 60 BLHS năm 2015 là gì (?) trong PLHS Việt Nam. Vì thực tiễn xét xử *đã khẳng định* như trên thì lại rất lâu rồi.

4.6. Định nghĩa pháp lý của khái niệm thời hiệu thi hành bản án kết tội

Trong PLHS Việt Nam hiện hành, nhà làm luật bằng quy phạm riêng biệt tại khoản 1 Điều 60 BLHS năm 2015 đã đề cập đến định nghĩa pháp lý của khái niệm *thời hiệu thi hành BAKT* là gì(?) - “là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, *pháp nhân thương mại bị kết án* không phải chấp hành bản án đã tuyên”. Như vậy, so với 02 BLHS (1985 và 1999 trước đây) thì quy phạm về định nghĩa pháp lý của *khái niệm thời hiệu thi hành BAKT* này trong BLHS năm 2015 có 01 điểm mới là bổ sung thêm thuật ngữ “*pháp nhân thương mại bị kết án*”. Tuy nhiên, dưới khía cạnh kỹ thuật lập pháp, bảo đảm sự chính xác hơn về mặt khoa học có lẽ cần phải thay 02 từ “*hình sự*” đằng sau 02 từ “*bản án*” = 02 từ “*kết tội*” (để khác với *BAHT tuyên vô tội*) và có như vậy thì khái niệm này sẽ không những chỉ có ý nghĩa

khoa học-thực tiễn rất quan trọng đối với sự phát triển của PLHS nói riêng, mà còn có ý nghĩa *chính trị-xã hội và pháp lý* to lớn đối với việc bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân trong hoạt động tư pháp hình sự nói chung ở Việt Nam hiện nay.

4.7. Các thời hạn thi hành bản án kết tội

Căn cứ vào các quy phạm PLHS Việt Nam hiện hành (khoản 2 Điều 60 BLHS năm 2015) và nghiên cứu thực tiễn xét xử hình sự của nước ta, có thể nhận thấy rằng:

a. Nhà làm luật nước ta đã điều chỉnh cụ thể **04** thời hạn thi hành BAKT khác nhau tương ứng với các *loại hình phạt* và các *mức hình phạt* mà cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chỉ có thể và phải căn cứ vào đó để thi hành BAKT có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án. Nói cách khác, theo quy định của PLHS Việt Nam hiện hành, khi đã hết các thời hạn do luật định tại khoản 2 Điều 60 BLHS năm 2015 tương ứng với các *loại hình phạt* (phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn khác nhau, tù chung thân hoặc tử hình) và *mức hình phạt* (3 năm tù trở xuống, 3 năm tù đến 15 năm tù, trên 15 năm tù đến 30 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình) thì không được thi hành BAKT đã có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án.

b. Trong trường hợp người bị kết án bị tuyên nhiều BAKT khác nhau, cần phải tổng hợp hình phạt của nhiều BAKT đó và *căn cứ để tính* thời hạn thi hành BAKT là từ thời điểm BAKT mà trong đó *hình phạt chung* đã được tổng hợp.

c. Nếu nhiều người bị kết án cùng bị Tòa án tuyên 01 BAKT chung thì thời hiệu thi hành BAKT đối với mỗi người sẽ được áp dụng độc lập phù hợp với *loại và mức hình phạt* tương ứng (như quy định tại khoản 2 Điều 60 BLHS năm 2015) mà họ đã bị Tòa án quyết định trong BAKT chung có hiệu lực pháp luật đó.

4.8. Vấn đề tính thời hiệu thi hành bản án kết tội

Trong PLHS Việt Nam hiện hành, bằng các quy phạm tại Điều 60 BLHS năm 2015, nhà làm luật đã cụ thể hóa cách tính *thời hiệu thi hành* BAKS (mà để cụ thể và chính xác hơn phải gọi là BAKT). Tuy nhiên, khi áp dụng cách tính thời hiệu thi hành BAKT theo các quy định của PLHS và pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cần lưu ý như sau: 1) Căn cứ khoản 4 Điều 60 đã nêu thì *thời hiệu thi hành BAKT* được tính từ ngày bản án đó có hiệu lực pháp luật và; 2) Tuy BLTTHS năm 2015 hiện hành không quy định cụ thể nhưng căn cứ khoản 1 Điều 255 BLTTHS năm 2003 thì thông thường, các BAKT được thi hành là các bản án của a) Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự *phúc thẩm*; b) Tòa án cấp *phúc thẩm* và; c) Tòa án cấp *giám đốc thẩm* hoặc *tái thẩm*.

4.9. Vấn đề tính lại thời hiệu thi hành bản án kết tội

Theo PLHS Việt Nam hiện hành, vấn đề tính lại thời hiệu thi hành BAKT được nhà làm luật điều chỉnh rõ ràng bằng các quy phạm tại các khoản 4-5 Điều 60 BLHS năm 2015, mà cụ thể là:

a. Bằng các quy phạm tại khoản 5 đã nêu, nhà làm luật đã quy định việc *tính lại thời hiệu đã qua* đối với *tất cả 05 thời hạn* (tương ứng với 05 mức độ kết án được nêu tại các khoản 2-3 Điều 60) nếu chủ thể bị kết án người phạm tội trong một thời hạn nhất định đã qua tương ứng với mỗi loại tội phạm) lại thực hiện *hành vi phạm tội mới* nhưng không quy định cụ thể là loại tội phạm nào, cũng như loại và mức hình phạt cụ thể tương ứng bị kết án như thế nào.

b. Bằng các quy phạm tại khoản 5, nhà làm luật đã quy định việc *tính lại thời hiệu đã qua* (và việc tính lại này được áp dụng

kể từ thời điểm người bị kết án ra trình diện hoặc bị bắt giữ) đối với *tất cả 05 thời hạn* (tương ứng với 05 mức độ bị kết án cụ thể nêu tại khoản 2-3 Điều 60) nếu người bị kết án (trong thời hạn đã qua tương ứng với mỗi mức độ bị kết án cụ thể) *cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã*. Tuy nhiên, ở đây cần lưu ý một số điểm như sau:

- Sự cố tình trốn tránh của người bị kết án có thể được thể hiện dưới các hình thức như: a) vĩnh viễn biến khỏi nơi ở hoặc nơi làm việc; b) thay họ tên trong các giấy tờ tùy thân có liên quan (như Giấy chứng minh nhân dân, bằng lái xe, v.v...) bằng họ tên khác hoặc; c) làm các phẫu thuật để sửa đổi hình dạng cho khác với hình dạng ban đầu; v.v...

- Mặt khác, sự cố tình trốn tránh này của người bị kết án nhất thiết *phải bị* cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền ra *lệnh truy nã*. Tức là, ở đây việc *đã có quyết định truy nã* phải là điều kiện tiên quyết bắt buộc - nếu người bị kết án mặc dù đã cố tình trốn tránh, nhưng *đã không có hoặc chưa có quyết định truy nã* của cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền, thì *thời gian mà người đó đã cố tình trốn tránh vẫn được tính vào thời hiệu để không bị thi hành BAKT* đã được tuyên.

4.10. Căn cứ và những điều kiện để không bị thi hành bản án kết tội do hết thời hiệu

Việc phân tích các quy phạm tại Điều 60 BLHS năm 2015 cho thấy, người bị kết án nếu muốn *không bị thi hành BAKT do đã hết thời hiệu*, tức là được hưởng chế định nhân đạo này của PLHS Việt Nam, thì phải có tổng hợp cả *căn cứ pháp lý* chung có tính chất bắt buộc và 03 *điều kiện* cần, đủ và do luật định dưới đây.

a. Căn cứ pháp lý chung có tính chất bắt buộc là: kể từ ngày BAKT được tuyên đối với người đó nhất thiết phải qua một thời hạn nhất định và thời hạn ấy phải do BLHS quy định (khoản 1).

b. Ba điều kiện cần, đủ và do luật định là: Thứ nhất - 01 trong các thời hạn đã qua

ấy phải tương ứng với 01 trong 05 mức hình phạt được BLHS quy định cụ thể (các khoản 2-3); *Thứ hai* - trong khoảng thời hạn đã qua ấy, người bị kết án (mà đối với BAKT ấy thời hiệu thi hành đã qua) *không được phạm bất kỳ tội mới* nào và không phụ thuộc vào loại và mức hình phạt cụ thể do BLHS quy định đối với tội mới đó (khoản 4); Và cuối cùng, *Thứ ba* - trong khoảng thời hạn đã qua ấy, người bị kết án không được cố tình trốn tránh (hoặc mặc dù cố tình trốn tránh) và đối với người đó phải *không có lệnh truy nã* của cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền (khoản 5).

5. Phân biệt 02 dạng thời hiệu trong luật hình sự

Như vậy, khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về thời hiệu trong PLHS Việt Nam hiện hành, chúng ta có thể nhận thấy một số điểm *giống nhau* và *khác nhau* cơ bản dưới đây của 02 dạng thời hiệu - *truy cứu TNHS* (1) và *thi hành BAKT* (2) thuộc chế định *nhỏ* về thời hiệu trong LHS.

5.1. Một số điểm giống nhau cơ bản

- Đối tượng được hưởng chế định *lớn* (thời hiệu) này trong cả 02 trường hợp tương ứng 02 chế định *nhỏ* (truy cứu TNHS hoặc thi hành BAKT) đều nhất thiết phải là *chủ thể có lỗi* trong việc thực hiện tội phạm.

- Tội phạm đã được thực hiện trong 02 trường hợp không nhất thiết phải là thuộc loại tội phạm nào được quy định trong PLHS.

- Để được hưởng chế định nhân đạo này trong cả 02 trường hợp tương ứng (truy cứu TNHS hoặc thi hành BAKT) đều nhất thiết *đã phải qua một thời hạn nhất định* do PLHS quy định.

- Cả 02 chế định *nhỏ* đều có cùng bản chất pháp lý chung của chế định *lớn* về thời hiệu trong LHS - *sau một thời hạn nhất định do luật định đã qua và khi có đầy đủ các căn cứ và những điều kiện được ghi nhận trong PLHS*, thì Nhà nước không được phép: 1) truy cứu TNHS - đối với người

phạm tội và 2) thi hành BAKT có hiệu lực pháp luật - đối với chủ thể (bao gồm cả cá nhân và pháp nhân thương mại) *bị kết án*.

- Và cuối cùng, thời gian đã qua hoặc thời gian trốn tránh *sẽ không được tính* để hưởng chế định thời hiệu để nếu trong thời hạn được quy định trong PLHS có một trong 02 tình huống tương ứng xảy ra đối với: 1) người phạm tội - *lại phạm tội mới* mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội mới này là trên 1 năm tù hoặc cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã; 2) chủ thể bị kết án - *lại phạm tội mới* hoặc cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã.

5.2. Một số điểm khác nhau

- a. Cùng là do hết thời hiệu nhưng: 1) việc không *truy cứu TNHS* căn cứ vào loại *tội phạm* tương ứng được phân loại trong BLHS năm 2015 (khoản 1 Điều 9); 2) còn việc không thi hành BAKT *chỉ được áp dụng* đối với các BAKT đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành vì nhiều nguyên nhân khác nhau và lại căn cứ vào *loại hình phạt* (phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù) và *mức hình phạt* (3 năm tù trở xuống, 3 năm tù đến 15 năm tù, 15 năm tù đến 30 năm tù, tù chung thân hay tử hình).

- b. Kể từ lần pháp điển hóa thứ hai (năm 1999) cho đến nay, trong nội hàm chế định *nhỏ* về thời hiệu truy cứu TNHS theo BLHS năm 1999 trước đây (Điều 23) và BLHS năm 2015 hiện nay (Điều 27) đã loại trừ *quy phạm PLTTHS về thẩm quyền* can thiệp của Nhà nước (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao) “*đối với những trường hợp đặc biệt*” khi thời hiệu truy cứu TNHS đối với tội phạm *đã qua thời hạn 15 năm* (như quy định cũ tương ứng trước đây tại khoản 2 Điều 45 BLHS năm 1985). Như vậy, đây chính là một minh chứng xác đáng không những về xu hướng nhân đạo hóa PLHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, mà cả sự hoàn thiện hơn về kỹ thuật lập pháp đối với các quy định của PLHS nước nhà.

6. Định hướng tiếp tục hoàn thiện các quy phạm về thời hiệu trong pháp luật hình sự Việt Nam tương lai

6.1. Nhận xét về kỹ thuật lập pháp liên quan đến các quy phạm về thời hiệu trong Phần chung Bộ luật hình sự năm 2015 hiện hành

Việc phân tích KTLP đối với chế định nhỏ về thời hiệu trong BLHS năm 2015 trên đây đã cho thấy một số nhược điểm cơ bản như sau:

a. Mặc dù nếu xét về bản chất pháp lý thì thời hiệu truy cứu TNHS (1) và thời hiệu thi hành BAKT (2) đều là 02 biện pháp tha miễn (BPTM) thuộc chế định nhỏ về thời hiệu và chế định nhỏ này cần thuộc chế định lớn về các BPTM nhưng suốt hơn 30 năm qua cho đến nay vẫn tồn tại một số nhược điểm chưa được khắc phục trong PLHS đã được pháp điển hóa của Việt Nam, cụ thể là:

- Vẫn còn thiếu hoàn toàn quy phạm đề cập đến định nghĩa pháp lý của khái niệm chung về thời hiệu trong PLHS là gì (?).

- Hai BPTM thuộc chế định nhỏ về thời hiệu (như đã phân tích trên đây) vẫn còn bị ghi nhận rải rác tại 02 chương khác nhau (Chương V và Chương IX BLHS năm 2015).

b. Tuy là các BPTM nhưng cả việc không truy cứu TNHS do hết thời hiệu (1) và không thi hành BAKT do hết thời hiệu (2) trong BLHS năm 2015 lại bị sắp xếp ở vị trí trước 03 chương liên quan đến hình phạt, biện pháp tư pháp và quyết định hình phạt.

c. Để bảo đảm tốt kỹ thuật lập pháp, chế định nhỏ về thời hiệu và 02 BPTM thuộc chế định nhỏ đã phân tích trên, chúng đứng ở vị trí sau 03 chế định lớn đã nêu (hình phạt, biện pháp tư pháp và quyết định hình phạt) trong cùng 01 Chương độc lập đề cập đến chế định lớn thứ về các BPTM của PLHS để phản ánh đúng bản chất pháp lý của chúng là các BPTM.

6.2. Những kiến giải lập pháp cụ thể tương ứng

Chính vì vậy, để góp phần khắc phục

nhược điểm về kỹ thuật lập pháp trên đây thì nên chăng 02 BPTM này (không truy cứu TNHS do hết thời hiệu và không thi hành BAKT do hết thời hiệu) cần được ghi nhận tương ứng trong 02 mục độc lập thuộc Chương “Các biện pháp tha miễn” của Dự thảo Phần chung BLHS tương lai (mà chúng tôi đã đề xuất) theo hướng:

a. Ghi nhận BPTM thứ nhất (không truy cứu TNHS do hết thời hiệu) tại 01 Mục độc lập trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Điều 27 BLHS năm 2015 với tên gọi “Thời hiệu trong PLHS. Không truy cứu TNHS do hết thời hiệu” gồm 03 điều đề cập tương ứng đến: 1) Khái niệm chung về thời hiệu trong PLHS (đây là Điều mới hoàn toàn); 2) Khái niệm thời hiệu truy cứu TNHS (trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và tách khoản 1 Điều 27 BLHS năm 2015 ra thành 01 Điều độc lập); 3) Các thời hạn đã qua mà không được truy cứu TNHS (trên cơ sở tách các khoản 2-4 Điều 60 BLHS năm 2015 ra thành 01 Điều độc lập) và; 4) Không áp dụng thời hiệu thi hành BAKT (trên cơ sở giữ nguyên tên gọi và nội hàm Điều 61 BLHS năm 2015)

b. Ghi nhận BPTM thứ hai (không thi hành BAKT do hết thời hiệu) cũng tại 01 Mục độc lập trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Điều 60 BLHS năm 2015 với tên gọi “Không thi hành BAKT do hết thời hiệu” gồm 03 điều đề cập tương ứng đến: 1) Khái niệm thời hiệu thi hành BAKT (trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và tách khoản 1 Điều 60 BLHS năm 2015 ra thành 01 Điều độc lập); 2) Các thời hạn đã qua mà không được truy cứu TNHS (trên cơ sở tách các khoản 2-3 Điều 27 BLHS năm 2015 ra thành 01 Điều độc lập) và; 3) Không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS (trên cơ sở giữ nguyên tên gọi và nội hàm Điều 28 BLHS năm 2015). Mục này cần được ghi nhận ở vị trí sau Mục về miễn TNHS./.